

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-PT

Ngày: 21/01/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hoa
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng.
Ông Hồ Minh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Dự - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 560/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 433/2018/DS-ST ngày 26-9-2018 Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6124/2018/QĐ-PT ngày 18/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2019/QĐ-PT ngày 10/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà V Th Đ.

Địa chỉ: Ấp Đ H, xã Đ L H, huyện Đ H, tỉnh L A.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ph H là người đại diện theo ủy quyền.

2. *Bị đơn:* Bà V Th Tr.

Địa chỉ: 58/40/2A Th Nh, Phường M, quận G V, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thanh Trúc là người đại diện theo ủy quyền.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Như Ngọc, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 58/40/2A Th Nh, Phường M, quận G V, Thành phố H

- Ông Ng H Kh.

58/40/2A Th Nh, Phường M, quận G V, Thành phố H Người đại diện hợp pháp: Bà Ng Th Tr là người đại diện theo ủy quyền.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà V Th Tr.

Ông Ph H, bà Ng Th Tr, ông Ng H Kh có mặt, bà Ng Th Nh Ng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018 nguyên đơn bà V Th Đ và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và ông Ph H trình bày:

Vào tháng 3/2014, bà V Th Tr còn nợ bà V Th Đ số tiền 604.100.000 đồng. Do bà Tr không có khả năng trả nợ nên ngày 18/3/2014, anh chị em trong gia đình tổ chức họp bàn phương thức trả nợ, cụ thể như sau: Bà Tr trả 154.000.000 đồng, chị Ng Th Nh Ng (con gái bà Tr) trả 250.000.000 đồng và anh Ng H Kh (con trai bà Tr) trả 200.000.000 đồng, số tiền còn lại 100.000 đồng bà Đ bỏ, không tính. Sau khi thỏa thuận trong gia đình, bà Đ đã rút đơn ngăn chặn chuyển dịch nhà, đất của bà Tr để bà Tr bán trả nợ.

Sau khi bán nhà, bà Tr trả được 154.000.000 đồng, anh Khương trả được 10.000.000 đồng. Như vậy số tiền còn lại là 440.000.000 đồng, bà Đ đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Tr và các con không chịu trả.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận G buộc bà Tr phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 440.000.000 đồng trong thời hạn một tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà V Th Tr do ông Nguyễn Minh Tuấn làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2013, bà Đ có đứng ra huy động vốn bằng cách mở thầu hội. Bà Đ đã kêu gọi anh em trong gia đình và nhiều người khác tham gia. Đến năm 2014 do mất khả năng thanh toán nên bà Đ bị vỡ hội. Lúc này bà Tr còn nợ số tiền hội phải đóng là 154.000.000 đồng. Trong biên bản họp gia đình ngày 18/9/2014, vì tình cảm gia đình nên bà Tr có hứa sẽ bán đất để trả số tiền hội còn nợ nhưng không hiểu sao khi khởi kiện bà Đ lại ghi số tiền nợ là 604.100.000 đồng. Việc ghi số tiền này là ý chí của bà Đ, do bà Tr không đề phòng. Bà Đ đã lợi dụng lòng tin trong gia đình để trút hết các khoản hội lên bà Tr. Do đó bà Tr không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ng Th Nh Ng đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ng H Kh vắng mặt trong quá trình ghi lời khai, hòa giải. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông Kh là bà Nguyễn Th Th Tr trình bày: Ngày 18/3/2014 khi lập biên bản thỏa thuận nợ không có mặt ông Kh, sau này ông Kh mới ký với tư cách là người làm chứng. Ông Kh có đưa cho bà Đ 10.000.000 đồng nhưng đây là tiền mẹ ông Kh nhờ trả cho bà Đ. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết bà Đ cũng không yêu cầu anh Khương phải liên đới trả tiền cho bà Đ nên ông Kh không có nghĩa vụ gì đến khoản nợ giữa bà Đ và bà Tr.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 433/2018/DS-ST ngày 26-9-2018 Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- *Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

- *Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 280, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- *Áp dụng khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V Th Đ đối với bị đơn bà V Th Tr.

Buộc bà V Th Tr có trách nhiệm trả cho bà V Th Đ số tiền 440.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/10/2018, bà V Th Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ph H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V Th Đ trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Ng Th Tr là người đại diện theo ủy quyền của bà V Th Tr trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định bà Tr không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ.

Ông Ng H Kh trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định mẹ ông là bà V Th Đ không có nghĩa vụ trả nợ cho bà V Th Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo hợp lệ vì nộp trong thời hạn pháp luật qui định. Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V Th Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà V Th Tr nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ng Th Nh Ng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa với sự vắng mặt của bà Ngọc.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà V Th Tr:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V Th Tr có bà Ng Th Tr là đại diện theo ủy quyền trình bày: Tại biên bản thỏa thuận nợ nói trên hai bên đã xác định bà Tr chỉ nợ số tiền là 154.000.000 đồng. Phía nguyên đơn bà V Th Đ có ông Phạm Hoàng là người đại diện theo ủy quyền trình bày, tại biên bản trên bà Tr có khẳng định sẽ chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số nợ nêu trên nên vì vậy bà Tr phải chịu toàn bộ số nợ còn thiếu là 440.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy tại biên bản thỏa thuận nợ ngày 18/3/2014, các bên thỏa thuận: “V Th Tr nợ V Th Đ tổng số tiền là 604.000.000 đồng”. Như vậy, bà Tr đã xác nhận về việc bà có nợ của bà V Th Đ và không có căn cứ để chứng minh bà bị ép buộc, đe dọa. Tại phần cuối của biên bản thỏa thuận nợ có thể hiện về phương thức bà Tr và các con là Nguyễn Hoàng Khương và Nguyễn Thị Như Ngọc trả nợ cho bà V Th Đ tuy nhiên việc này không loại trừ nghĩa vụ trả nợ của bà V Th Tr. Đồng thời, bà V Th Tr cũng cam kết thể hiện: “Nếu không hoàn tất biên bản trên gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Như vậy, dựa trên cam kết nói trên thì bà V Th Tr phải là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà V Th Đ. Đồng thời, đây là nghĩa vụ liên đới giữa bà Tr và các con bà Tr. Tuy nhiên, bà Đ chỉ khởi kiện yêu cầu mình bà Tr phải trả toàn bộ số nợ nên việc bà Tr cho rằng bà đã trả hết số

nợ trên cho bà Đ và không chịu trách nhiệm về các khoản nợ còn lại là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà V Th Tr.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà V Th Tr phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 280, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà V Th Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V Th Đ đối với bị đơn bà V Th Tr.

Buộc bà V Th Tr có trách nhiệm trả cho bà V Th Đ số tiền 440.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà V Th Tr phải chịu 21.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà V Th Đ không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 10.800.000 đồng án phí tạm nộp theo biên lai số 0028923 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà V Th Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/001368 ngày 17/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về nghị vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận G;
- Tòa án nhân dân quận G;
- Viện KSND quận G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hoa